

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 20-12-2017

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư.

2. Ông Dương Tấn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 198/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Ngọc T - Sinh năm 1997 - Địa chỉ: Ấp 6, xã MQT, huyện H, tỉnh Long An. (Vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Võ Thanh H1 - Sinh năm 1990 - Địa chỉ: Ấp 6, xã MQT, huyện H, tỉnh Long An. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 10 năm 2017, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc T trình bày và yêu cầu:

Bà và ông Võ Thanh H1 cưới nhau năm 2014, sau đó, đăng ký kết hôn ngày 02-11-2015 tại Ủy ban nhân dân xã MQT. Quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ghen tuông, mất lòng tin với nhau nên đã ly thân từ ngày 19-9-2017 đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Võ Thanh H1.

Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Hoài N, sinh ngày 27-5-2015, đang sống chung với bà. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai ngày 16 tháng 11 năm 2017 các văn bản tiếp theo, bị đơn là ông Võ Thanh H1 trình bày và yêu cầu:

Ông thống nhất trình bày của bà Phạm Thị Ngọc T về ngày tháng, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân, về con chung và việc không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Phạm Thị Ngọc T vì mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng.

Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông và bà T ly hôn, ông đồng ý để bà T nuôi con, ông không phải cấp dưỡng.

- Ngày 30-11-2017, bà Phạm Thị Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông Võ Thanh H1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên Tòa án vẫn xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phạm Thị Ngọc T khởi kiện “Tranh chấp ly hôn” đối với ông Võ Thanh H1, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An, thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bà Phạm Thị Ngọc T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

[3] Trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Võ Thanh H1 được tổng đạt, niêm yết hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án, nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của ông và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà T theo quy định tại khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, ông H1 không được quyền khiếu nại về việc cung cấp chứng cứ và tham gia phiên tòa vì ông không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông theo quy định pháp luật.

[4] Bà T và ông H1 chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MQT, huyện H, tỉnh Long An ngày 02-11-2015. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H1 là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[6] Xét về hôn nhân:

Bà T yêu cầu ly hôn với ông H1 vì cho rằng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ghen tuông, mất lòng tin với nhau, vợ chồng đã ly thân từ ngày 19-9-2017 đến nay. Ông H1 thống nhất về mâu thuẫn vợ chồng, nhưng không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T, mà yêu cầu đoàn tụ vì cho rằng mâu thuẫn không đến mức trầm trọng. Bà T và ông H1 không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày của ông bà là có căn cứ và hợp pháp.

Xét bà T và ông H1 đã ly thân từ ngày 19-9-2017, hiện vẫn sống ly thân, tự mỗi người lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Xét ông H1 được Tòa án triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa nhưng lần thứ 2 không lý do, ông H1 không có thiện chí để đoàn tụ, do đó, chấp nhận theo yêu cầu của bà T là phù hợp. Mâu thuẫn giữa bà T và ông H1 đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà T yêu cầu ly hôn với ông H1 là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[7] Xét về nuôi con chung:

Xét trước khi mở phiên tòa, bà T và ông H1 thống nhất nội dung: Nếu như phải ly hôn, bà T được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Võ Hoài N, sinh ngày 27-5-2015, đang sống chung với bà T; Ông H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Việc thỏa thuận thống nhất các nội dung này của đương sự là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại các Điều 81 và 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[8] Xét về chia tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông H1 trình bày trình bày không có, không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[9] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn; Bà T được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm; Ông H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa Án.

1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Ngọc T được ly hôn với ông Võ Thanh H1.

2. Về nuôi con chung:

- Ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự: Bà Phạm Thị Ngọc T được trực tiếp nuôi con chung tên Võ Hoài N, sinh ngày 27-5-2015, đang sống chung với bà T; Ông Võ Thanh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Ông H1 được quyền tới lui, thăm nom và chăm sóc con chung. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà T và ông H1 được quyền yêu cầu thay đổi trình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (Theo Biên lai thu số 0008084 ngày 26-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H), bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã MQT (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương